

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;
 - Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;
 - Căn cứ Quy chế làm việc số 02-QC/TU, ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông khóa XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
 - Căn cứ các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ cụ thể như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở cấp tỉnh với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp uỷ, các chức danh lãnh đạo, quản lý phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp uỷ các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý¹.

5. Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch tái cử, tái bổ nhiệm chức vụ đang đảm nhiệm và tương đương². Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch. Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý; việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

¹ Ví dụ: (1) Đồng chí Nguyễn Văn A, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch các chức danh như: Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2026 - 2031.

(2) Đồng chí Nguyễn Văn B, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch tối đa ba chức danh: Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031, trưởng ban Đảng của Tỉnh ủy hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

² Ví dụ: (1) Đồng chí Nguyễn Văn C hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025 - 2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn C vào chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(2) Đồng chí Nguyễn Văn D hiện là Phó Giám đốc sở nhiệm kỳ 2021 - 2026, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn D vào quy hoạch chức danh Phó Giám đốc sở; nếu đồng chí có đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì giới thiệu vào danh sách quy hoạch chức danh Giám đốc sở nhiệm kỳ 2026 - 2031 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

- + Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

- + Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- + Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

- + Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở".

- Quy hoạch "động" là định kỳ hằng năm đánh giá, rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện,

không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển.

- Quy hoạch “mở” được hiểu là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch:

Các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị của tỉnh, bao gồm:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
- Các chức danh cán bộ thuộc diện các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 1A, 1B.
- Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào Phụ lục 1A, 1B để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch HĐND,

UBND tỉnh, phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; lãnh đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Riêng chức danh ủy viên ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và các chức danh phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân huyện, thành phố giao cho ban thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy phê duyệt theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý được ủy quyền theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định hiện hành của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện quy trình, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Trung ương quản lý công tác tại địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, thẩm định nhân sự và trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các

chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của Quy định này.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan:

- Xem xét, cho ý kiến, thẩm định, thẩm tra đối với nhân sự quy hoạch; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 7. Phương pháp, thời điểm và thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (hoàn thành trong Quý III). Riêng đối với quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước cho nhiệm kỳ 2025 - 2030 và 2026 - 2031 thực hiện hoàn thành trước ngày 30/8/2022; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế thực hiện hoàn thành trong Quý III của năm thứ hai đại hội mỗi tổ chức.

Các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và gửi tờ trình, hồ sơ quy hoạch về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày 30/8/2022 để thẩm định, phê duyệt theo quy định. Riêng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đoàn thể khác gửi hồ sơ và tờ trình trong Quý III của năm thứ hai đại hội mỗi tổ chức.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp từ 1 đến 2 lần/năm (lần 1 thực hiện trong Quý I và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã được phân cấp như ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ, phó chủ tịch HĐND, UBND

cấp huyện,... chậm nhất trong tháng 4; lần 2 thực hiện trong Quý III và báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch chậm nhất trong tháng 8).

Các địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và gửi tờ trình, hồ sơ quy hoạch về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày 28 tháng 02 (đối với lần 1) và trước ngày 30 tháng 7 (đối với lần 2) hằng năm; quá thời gian trên nếu địa phương, đơn vị không có đề nghị thì xem như không có nhu cầu bổ sung quy hoạch cán bộ của đợt đó trong năm.

Đối với các tổ chức hội, đoàn thể nhân dân khác được Đảng, Nhà nước giao biên chế, xây dựng quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cũng thực hiện tương tự như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự đầy đủ, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử:

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

- Về trình độ lý luận chính trị:

- + Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; đối tượng 2 có thể chưa đảm bảo tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- + Cán bộ quy hoạch các chức danh diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh theo phân cấp quản lý cán bộ: Vận dụng thực hiện như quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (tiêu chuẩn đối tượng 1, 2 của từng chức danh theo quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị).

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn như: Kinh qua công tác chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới; ngạch công chức; trình độ quản lý Nhà nước; thời gian tham gia cấp ủy khi quy hoạch ban thường vụ,...³.

2. Về độ tuổi:

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

3. Thời điểm, phương pháp tính tuổi quy hoạch:

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 26/7/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn một số nội dung về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Công văn số 1398-CV/BTCTW, ngày 04/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026. Cụ thể như sau:

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

³ Ví dụ: (1) Đối với quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch UBND tỉnh, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn như: Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện (bí thư, phó bí thư đảng ủy trực thuộc tỉnh; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố) hoặc trưởng, phó các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh hoặc tương đương. Giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương bậc 3 trở lên và phải có chứng chỉ Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương,...

(2) Đối với quy hoạch chức danh trưởng các ban đảng Tỉnh ủy, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn như: Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở các chức danh bí thư đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy hoặc trưởng các sở, ngành, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh hoặc phó trưởng ban đảng của Tỉnh ủy, phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương bậc 3 trở lên và phải có chứng chỉ bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương,...

Thời điểm tính tuổi: Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025 -2030: Cấp xã tháng 4/2025, cấp huyện tháng 6/2025, cấp tỉnh tháng 9/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với trường hợp các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; ban tổ chức cấp ủy các cấp, các bộ phận (phòng, ban,...) làm công tác tổ chức cán bộ tại các sở, ban, ngành và tương đương đối với trường hợp khác thuộc thẩm quyền quản lý) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định (đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thời điểm nhận tờ trình, hồ sơ: Trong tháng 02 (đối với lần 1) và tháng 7 (đối với lần 2) hằng năm.

Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp trên.

(Có Phụ lục số 2 về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo).

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng chức danh quy hoạch:

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định⁴.

⁴ Ví dụ: Đảng bộ Thành phố Gia Nghĩa được xác định số lượng Ủy viên Ban Chấp hành là 41 đồng chí; Ủy viên Ban Thường vụ 11 đồng chí; số lượng Ủy viên Ủy ban Kiểm tra 7 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa là: (1) Ủy viên Ban Chấp hành: $41 \times 1,5 = 61,5$ người (làm tròn 62 người); (2) Ủy viên Ban Thường vụ: $11 \times 1,5 = 16,5$ người (làm tròn 17 người); (3) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra: $7 \times 1,5 = 10,5$ người (làm tròn 11 người).

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp)⁵.

Đối với chức danh quy hoạch cho nhiệm kỳ kế tiếp nếu đơn vị, địa phương đảm bảo cả hai đối tượng (đối tượng 1, 2) thì được quy hoạch tối đa số lượng theo quy định; trường hợp đơn vị, địa phương không có đối tượng 1 thì số lượng quy hoạch không quá 02 cán bộ thuộc đối tượng 2 (số còn lại để bổ sung hằng năm cho đối tượng 1).

2. Về cơ cấu:

Phân đầu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng:

- Cấp tỉnh, cấp huyện: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; tỉ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

- Cấp xã: Cán bộ trẻ (dưới 35 tuổi) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; tỉ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo Phụ lục số 3.

- Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào Phụ lục số 3 để quy định cụ thể cho phù hợp.

- Đảng ủy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh căn cứ vào quy định của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương để thực hiện quy

⁵ Ví dụ: (1) Một chức danh quy hoạch không quá 03 cán bộ: Theo quy định Văn phòng Tỉnh ủy có 03 Phó Chánh Văn phòng, số lượng quy hoạch tối đa là $3 \times 3 = 9$ người.

(2) Một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch: Đồng chí Trần Văn A, Trưởng phòng thuộc Sở Nội vụ được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch (Phó Giám đốc, Phó Bí thư Huyện ủy, Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Phó các ban đảng khác thuộc Tỉnh ủy,... nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

trình nhân sự quy hoạch. Trường hợp Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương không có quy định riêng thì áp dụng quy trình như trên để thực hiện.

Riêng Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh: Xem xét, cụ thể hóa để hướng dẫn thực hiện quy trình quy hoạch đối với chức danh cấp ủy, bí thư, phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đảng ủy cho phù hợp với thực tiễn.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục số 4.

Điều 11. Công khai và quản lý, sử dụng quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý, sử dụng quy hoạch:

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Trong thời gian 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy (kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch) đối với các chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc; các chức danh phó chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện; các chức danh được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Ban cán sự đảng theo phân cấp quản lý cán bộ để quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch, đã từ trần, chuyển công tác ra khỏi tỉnh, không đủ tuổi để bổ nhiệm, bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch. Cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch mà không phải thực hiện quy trình bỏ phiếu theo quy định.

Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật: Sau khi quyết định thi hành kỷ luật có hiệu lực, cấp có thẩm quyền ban hành ngay quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch (chậm nhất không quá 30 ngày kể từ khi quyết định kỷ luật có hiệu lực); sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

Đối với cán bộ có kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị: Sau khi kết luận ban hành, cấp có thẩm quyền ban hành ngay quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch (chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày ban hành kết luận). Trường hợp sau đó cấp có thẩm quyền kết luận lại bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026, trước ngày 27/12/2021 (thời điểm ban hành Quy định số 50 của Bộ Chính trị) thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

- Đối với các trường hợp đã thực hiện xong quy trình rà soát, bổ sung nhưng chưa phê duyệt quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phải rà soát, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng, hệ số theo Quy định số 50 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 16 của Ban Tổ chức Trung ương trước khi xem xét phê duyệt quy hoạch.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, có trách nhiệm cụ thể hoá việc thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với đặc điểm, tình hình và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị; đảm bảo tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch nhưng không trái với Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và các quy định khác có liên quan.

2. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định về công tác quy hoạch cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

3. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ gồm 3 phần, 14 Điều và các Phụ lục kèm theo (Phụ lục số 1A và 1B, 2, 3, 4 và 5), có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế các quy định trước đây về công tác quy hoạch cán bộ áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ Địa phương II - BTCTW, (b/c)
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh và tương đương,
- Các tổ chức Hội cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các doanh nghiệp Nhà nước,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH).

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Ngô Thanh Danh



PHỤ LỤC 1A

ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Quy hoạch chức danh bí thư huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các ban trực thuộc HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương.

1. Đối tượng 1: Phó bí thư huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, phó ban trực thuộc HĐND tỉnh, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

Riêng đối tượng 1 quy hoạch chức danh cấp trưởng các cơ quan, đơn vị có cơ cấu cứng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định (như Trưởng các ban Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,...), thì đồng chí được giới thiệu quy hoạch là cấp phó của đơn vị phải là Tỉnh ủy viên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; chủ tịch hội đồng thành viên (chủ tịch hội đồng quản trị), chủ tịch công ty TNHH MTV, công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối được xếp hạng I, II.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

Riêng đối tượng 2 quy hoạch chức danh cấp trưởng các cơ quan, đơn vị có cơ cấu cứng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì những đồng chí được giới thiệu là cấp phó của đơn vị không phải Tỉnh ủy viên và tương đương (đối tượng trưởng phòng không thuộc diện quy hoạch của các chức danh này).

II. Quy hoạch chức danh Phó bí thư huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; chủ tịch HĐND, UBND cấp huyện; cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội, các ban trực thuộc HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

1. Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; chủ tịch hội đồng thành viên (chủ tịch hội đồng quản trị), chủ tịch công ty TNHH MTV, công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối được xếp hạng I, II.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố và đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; phó các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thành phố.

1. Đối tượng 1. Ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố; trưởng các phòng, ban và tương đương cấp huyện; bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn; trưởng các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Phó trưởng phòng, ban và tương đương cấp huyện; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn (được quy hoạch chức danh bí thư); phó trưởng các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (được quy hoạch chức danh cấp trưởng).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

*** Lưu ý:**

- Đối với các chức danh cán bộ không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, đề nghị địa phương, cơ quan, đơn vị cụ thể hóa đối tượng 1, 2 theo tinh thần nêu trên để thực hiện.

- Đối với các trường hợp ngành dọc đóng chân trên địa bàn tỉnh khi giới thiệu quy hoạch qua các cơ quan, đơn vị, địa phương thì cấp có thẩm quyền xem xét, vận dụng đối tượng phù hợp với chức danh giới thiệu quy hoạch.

-----*-----

PHỤ LỤC 1B

ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ ĐẢNG ỦY KHỐI TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

(Kèm theo Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành phố và Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng; phó thuộc các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương (được quy hoạch chức danh cấp trưởng); bí thư, phó bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn và đảng ủy trực thuộc huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối (được quy hoạch chức danh bí thư); chủ tịch HĐND, UBND cấp xã.

Các đồng chí giữ chức vụ phó bí thư cấp ủy, phó các ban, cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện, thành phố và tương đương mà được xác định là có cơ cấu ủy viên ban chấp hành đảng bộ thì không cần điều kiện phải được quy hoạch vào chức danh cấp trưởng tương ứng.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn và các đảng ủy trực thuộc huyện ủy, thành ủy và đảng ủy khối; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyên viên các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II. Quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ huyện, thành phố và đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy; trưởng các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát,

bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Trưởng phòng, ban và tương đương cấp huyện; phó phòng, ban và tương đương cấp huyện (được quy hoạch chức danh trưởng các ban đảng, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện); phó các phòng, ban và tương đương ở các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (được quy hoạch chức danh cấp trưởng); bí thư, phó bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn và đảng ủy trực thuộc được quy hoạch chức danh bí thư.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

-----*-----

PHỤ LỤC 2

XÁC ĐỊNH TUỔI⁶ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH
(Kèm theo Quy định số 15-QĐ/TU ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 1

1- Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030

Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025 - 2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây ⁷
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây ⁸
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1968 trở lại đây ⁹	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ¹⁰

2- Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước các cấp (cùng một thời điểm)	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ¹¹	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ¹²

3- Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức Chính trị - Xã hội (xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

⁶ Lưu ý: (1) Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định. (2) Cán bộ nữ không thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn thì việc xác định tuổi quy hoạch tương ứng ở cột độ tuổi của nữ.

⁷ Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ) sinh tháng 01/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = 5 năm 01 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 12/1971, thì thiếu 04 tháng).

⁸ Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 02/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = 5 năm công tác.

⁹ Ví dụ 3: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 9/1968, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = 5 năm công tác.

¹⁰ Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 05/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2025) = 5 năm công tác.

¹¹ Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi thực tế tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

¹² Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm bầu cử Quốc hội, HĐND tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

(1) Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2029 - 2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029, cấp tỉnh tháng 7/2029)

Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029 - 2034	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ¹³
Huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ¹⁴	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ¹⁵
Tỉnh	Sinh từ tháng 7/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 11/1974 trở lại đây ¹⁶

(2)- Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026 - 2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026, cấp tỉnh tháng 9/2026).

Chức danh lãnh đạo Hội liên hiệp phụ nữ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031 (đối với cấp xã, huyện, tỉnh)
Xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ¹⁷
Huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ¹⁸
Tỉnh	Sinh từ tháng 01/1973 trở lại đây ¹⁹

(3) - Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028 - 2033 (cấp cơ sở tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028, cấp tỉnh tháng 11/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028 - 2033	
	Nam	Nữ
Cơ sở	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ²⁰
Huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ²¹
Tỉnh	Sinh từ tháng 11/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 7/1974 trở lại đây ²²

¹³ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = 5 năm 02 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1974, thì thiếu 03 tháng).

¹⁴ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam) sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

¹⁵ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

¹⁶ Ví dụ 10: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ) sinh tháng 11/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 7/2029) = 5 năm công tác.

¹⁷ Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = 5 năm 1 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

¹⁸ Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = 5 năm công tác.

¹⁹ Ví dụ 13: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ) sinh tháng 01/1973, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2026) = 5 năm công tác.

²⁰ Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp cơ sở tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

²¹ Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

(4)- Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028 - 2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028, cấp tỉnh tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028 - 2033	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ²³
Huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ²⁴
Tỉnh	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ²⁵

(5)- Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027-2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027, cấp tỉnh tháng 10/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp, thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đoàn (cơ bản thực hiện theo nguyên tắc nêu trên, đồng thời bảo đảm đồng bộ với độ tuổi cán bộ Đoàn theo Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư).

II- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

III- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với cả 2 đối tượng

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại mục 3, Điều 8 của Quy định này. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2; đối với rà soát bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

²² Ví dụ 16: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ) sinh tháng 7/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 11/2028) = 5 năm công tác.

²³ Ví dụ 17: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

²⁴ Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

²⁵ Ví dụ 19: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ) sinh tháng 5/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp tỉnh tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

PHỤ LỤC 3

QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số 15-QĐ/TU ngày 22/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình. (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban thường vụ cấp ủy.

- Đối với các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các ban trực thuộc HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương là ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn).

3. Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với các huyện ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và tương đương trở lên; bí thư, phó bí thư các đảng bộ và bí thư các chi bộ trực thuộc; chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố.

- Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (Đảng ủy Khối, Quân sự, Công an, Biên phòng) là ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó phòng, ban và tương đương trở lên; trưởng các đoàn thể; bí thư, phó bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc đảng ủy.

- Đối với các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các ban trực thuộc HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương là ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn); trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương trở lên; ban chấp hành đảng bộ, chi ủy chi bộ, trưởng các đoàn thể ở cơ quan, đơn vị.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) Thành phần:

- Đối với các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ.

- Đối với các sở, ban, ngành, các ban trực thuộc HĐND tỉnh, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương là ban cán sự đảng; đảng đoàn; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban cán sự đảng, đảng đoàn); ban thường vụ đảng ủy; bí thư, phó bí thư chi, đảng bộ cơ sở của cơ quan, đơn vị (nơi không thành lập ban thường vụ); trưởng phòng và tương đương trở lên.

- Đối với tổ chức bầu cử là ban chấp hành. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thành phần tham dự hội nghị như các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

(2) Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ

quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Thành phần: Như bước 2.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định. Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hàng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo

tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (các sở, ban, ngành và tương đương) chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.

- Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.

-----*-----



DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH

(Kèm theo Quy định số 15-QĐ/TU ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch thống nhất đánh trên khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.
2. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành (mẫu 2C/BTCTW) do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.
3. Nhận xét, đánh giá của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
4. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
5. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
6. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị,... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

*** Lưu ý:**

- Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3 và 5 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- Các địa phương, cơ quan, đơn vị gửi kèm theo bản file mềm Excel bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước (cùng thời điểm gửi hồ sơ quy hoạch cán bộ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

-----*-----

PHỤ LỤC 5

MỘT SỐ MẪU TRONG CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

(Kèm theo Quy định số 15 - QĐ/TĐ ngày 23/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Mẫu số 1: Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu quy hoạch.

CẤP ỦY TỔ CHỨC ĐẢNG														Mẫu số 1				
CƠ QUAN ĐƠN VỊ																		
*																		
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU																		
Nhân sự giới thiệu quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh lãnh đạo quản lý nhiệm kỳ...																		
STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày vào đảng	Trình độ			Chức danh đã được phê duyệt quy hoạch	Đối tượng quy hoạch (đối tượng 1 hoặc 2)	Số phiếu giới thiệu					
								Học hàm học vị	Chuyên môn	Lý luận chính trị			Bước 2 (3)		Bước 3 (4)		Bước 4 (5)	
													Số phiếu	Tỷ lệ % (tính trên tổng số người có mặt)	Số phiếu	Tỷ lệ % (tính trên tổng số người có mặt)	Số phiếu	Tỷ lệ % (tính trên tổng số người triệu tập)
I	Chức danh Bí thư Huyện ủy hoặc Giám đốc sở																	
1	Trần Văn A																	
II	Chức danh Phó Bí thư Huyện ủy hoặc Phó Giám đốc sở																	
1	Nguyễn Văn B																	
III	Chức danh Chủ tịch HĐND huyện																	
1	Lê Thị C																	
IV	Chức danh Chủ tịch UBND huyện																	
1	Trần Văn D																	

* Lưu ý: Riêng trường hợp đưa ra khỏi quy hoạch thì bảng tổng hợp bổ sung thêm 01 cột vào ô kết quả phiếu (Bước 1); tỷ lệ phiếu tính trên tổng số người triệu tập.

Mẫu số 2: Phiếu giới thiệu/Biểu quyết quy hoạch.

Mẫu số 2

**CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ...**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày ... tháng ... năm.....

*
(đóng dấu)

PHIẾU GIỚI THIỆU/ BIỂU QUYẾT

**Quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch)
các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ ...
(tại Hội nghị.....)**

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng, ... và phẩm chất đạo đức, năng lực cán bộ; ban thường vụ cấp ủy (tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị)... đề nghị đồng chí cho biết ý kiến giới thiệu (biểu quyết) nhân sự quy hoạch (rà soát, bổ sung hoặc đưa ra khỏi quy hoạch) các chức danh lãnh đạo, quản lý... nhiệm kỳ... và đánh dấu (X) vào ô tương ứng trong danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên *	Ngày sinh	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Giới thiệu/Biểu quyết	
				Đồng ý	Không đồng ý
I	Chức danh Bí thư Huyện ủy hoặc Giám đốc sở				
1	Nguyễn Văn A				
2	..				
II	Chức danh Phó Bí thư Huyện ủy hoặc Phó Giám đốc sở				
	...				
III	Chức danh...				
1	...				

Ý kiến khác (nếu có:.....)

NGƯỜI GIỚI THIỆU
(Có thể ký tên hoặc không ký tên)

* Đưa danh sách các đồng chí bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và được tin nhiệm giới thiệu ở bước trước theo quy định.

Mẫu số 3: Quyết định phê duyệt quy hoạch.

Mẫu số 3

**CẤP ỦY, (TỔ CHỨC ĐẢNG
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)...**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

..., ngày ... tháng ... năm.....

Số -QĐ/...

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch)
các chức danh cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng... quản lý
của cơ quan (đơn vị) ... nhiệm kỳ...**

- Căn cứ Quyết định số... -QĐ/TW, ngày .../.../... của Bộ Chính trị (Ban Bí thư) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cấp ủy, tổ chức đảng...;
- Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;
- Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;
- Căn cứ Quy định số... -QĐ/TU, ngày .../.../2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ;
- Xét đề nghị của cơ quan (đơn vị)... (tại Tờ trình số ...-TTr/..., ngày .../.../...),

BAN THƯỜNG VỤ CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG...

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch (rà soát, bổ sung quy hoạch) các chức danh cán bộ diện cấp ủy, tổ chức đảng... quản lý của cơ quan (đơn vị)... nhiệm kỳ ... (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng ... có trách nhiệm định kỳ rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo đúng quy định hiện hành của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đối với cán bộ trong danh sách quy hoạch.

Điều 3. Ban Tổ chức cấp ủy (bộ phận thực hiện công tác cán bộ cơ quan), Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng... và các đồng chí có tên trong danh sách quy hoạch nêu tại Điều 1 thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- ...
- Lưu...

**T/M BAN THƯỜNG VỤ (TỔ CHỨC
ĐẢNG, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ)**

(Ký tên, đóng dấu)